

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NB DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Đáng
2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhứt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị B, sinh năm 1982. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp E, thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Số 19 đường H, Khóm 2, Phường 7, thành phố I, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt ngày 02/02/2021)

- Bị đơn: Anh C, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp E, thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2020, bản tự khai, nguyên đơn, chị B trình bày: Chị và anh C xây dựng hôn nhân năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 195/2011, quyển số 01/2011 ngày 11/11/2011, vợ chồng chị có một con chung tên D, sinh ngày 09/9/2012 hiện nay đang sống chung với chị, tài sản chung chị và anh C tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng có xảy ra cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C, không yêu cầu đoàn tụ; chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D, sinh ngày 09/9/2012, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với bị đơn anh C: Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nB dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu để làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Lưu Tử C không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên không ghi nhận được ý kiến của anh C đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các C 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các C 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 C 28, điểm a khoản 1 C 35, điểm a khoản 1 C 39, khoản 4 C 147, C 227, khoản 3 C 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; C 51, C 56, các C 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 C 24, điểm a khoản 5 C 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh C. Xử cho chị B được ly hôn với anh C. Con chung giao cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nB gia đình chị B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị B yêu cầu ly hôn với anh C, hiện nay anh C cư trú tại ấp E, thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt anh C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị B và anh C xây dựng hôn nhân năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 195/2011, quyền số 01/2011 ngày 11/11/2011 nên hôn nhân giữa chị B và anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, tuy là vợ chồng nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng chị đã sống ly tB và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của cả vợ lẫn chồng, cùng nhau chăm sóc, yêu thương nhau nhưng ở đây chị B và anh C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh C.

[3.2] Về con chung: Chị B và anh C có một con chung tên D, sinh ngày 09/9/2012 hiện nay đang sống chung với chị B. Chị B có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D. Hiện nay cháu D đang sống ổn định với chị B do đó cần tiếp tục giao cháu D cho chị B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu xem xét, giải quyết, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, chị B phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nB dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã pB tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C. Xử cho chị B được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 09/9/2012 cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu D đang sống chung với chị B nên chị B được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D.

Chị B không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Về án phí Hôn nhân và Gia đình: Chị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008472 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- CC THADS huyện A
- UBND thị trấn G, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến